

TRUYỀN THỐNG “LẤY DÂN LÀM GỐC” CỦA DÂN TỘC VIỆT VÀ TƯ TƯỞNG “DÂN LÀ GỐC NƯỚC” DƯỚI THỜI LÍ – TRẦN

Đông Văn Quân

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Mệnh đề "Dân là gốc nước" được du nhập vào Việt Nam cùng với sự truyền bá của Nho giáo. Nhưng tư tưởng "Dân là gốc" hoàn toàn không phải là đặc quyền của người Trung Quốc, tư tưởng ấy được thể hiện trong ý thức cộng đồng của người Việt. Sau khi du nhập, nó kết hợp với tư tưởng truyền thống của người Việt tạo nên một sức mạnh tổng hợp giúp các triều đại phong kiến Việt Nam sát cánh cùng với nhân dân đấu tranh giữ nước, chống xâm lược, chống thiên tai để tồn tại và phát triển. Bài báo khái quát về sự hình thành, phát triển của "ý thức cộng đồng" của người Việt và sự tương đồng của nó với tư tưởng "Dân là gốc", được thể hiện đặc sắc qua tư tưởng của các nhà chính trị, nhà tư tưởng lớn thời Lí – Trần như: Lí Công Uân, Lí Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn... Qua đó khẳng định những giá trị tư tưởng to lớn của nhà Lí, nhà Trần đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Từ khóa: "Lấy dân làm gốc"; "Dân là gốc nước"; ý thức cộng đồng; Lí - Trần; tư tưởng.

Ngày nhận bài: 21/8/2019; Ngày hoàn thiện: 04/9/2019; Ngày đăng: 09/9/2019

“TREATING PEOPLE AS THE ROOT OF THE COUNTRY” TRADITION OF VIETNAMESE NATION AND THE IDEOLOGY OF “PEOPLE ARE THE ROOT OF THE COUNTRY” IN LI-TRAN DYNASTY

Dong Van Quan

TNU - University of Education

ABSTRACT

The term "People are the root of the country" was introduced into Vietnam along with the propagation of Confucianism. However, this idea is completely not the privilege of the Chinese people; it is also reflected in the sense of community of the Vietnamese. After its introduction, this ideology combined with traditional Vietnamese ideas to create a synergic power that helped Vietnamese feudal dynasties along with the people to fight with invasions and natural disasters. This research summarizes the formation and development of the "sense of community" of Vietnamese and its similarities with the idea "People are the root of the country", expressing itself through the ideal of many politicians in Li - Tran dynasty such as: Li Cong Uan, Tran Quoc Tuan, Li Thuong Kiet, etc. Whereby, confirming the great ideology values of Li Dynasty and Tran Dynasty to the history of Vietnam.

Keywords: "Treating people as the root of the country"; "People are the root of the country"; sense of community; Li-Tran; ideology.

Received: 21/8/2019; Revised: 04/9/2019; Published: 09/9/2019

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một đất nước nằm ở Đông Nam châu Á, thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nắng lắm, mưa nhiều. Điều kiện khí hậu và thiên nhiên có nhiều thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp, nhưng cũng có không ít những khó khăn do thiên tai đem lại. Trong suốt quá trình dựng nước, các cộng đồng người Việt đã phải liên kết lại với nhau vừa để khai khẩn đất đai trồng cấy, tạo nên nền văn hoá lúa nước đặc sắc, vừa để chống lại thiên tai, lũ lụt, hạn hán... Công cuộc dựng nước đó đã tạo nên một cộng đồng người biết yêu thương nhau, đùm bọc nhau, ý thức được sức mạnh cộng đồng.

Lịch sử dân tộc Việt Nam đồng thời là lịch sử chống ngoại xâm. Với trên một ngàn năm Bắc thuộc và liên tiếp sau đó là các cuộc xâm lược của các đế chế phương Bắc, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, nhân dân ta đã chiến đấu kiên cường và giành được thắng lợi trọn vẹn. Điều đó đã làm cho người Việt Nam càng ý thức sâu sắc hơn sức mạnh của lòng yêu nước và tư tưởng cộng đồng. Trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước, người Việt Nam đã phải vừa đấu tranh để tồn tại, vừa đấu tranh để chống lại sự đồng hoá vào các dân tộc khác. Trải qua thời kì Bắc thuộc hơn một ngàn năm, dân tộc Việt Nam là dân tộc duy nhất trong khối Bách Việt, không bị đồng hoá và diệt vong. Công cuộc dựng nước và giữ nước đó là cơ sở hình thành nên những truyền thống dân tộc tốt đẹp của người Việt Nam như tư tưởng yêu nước, ý thức cộng đồng... Và đó cũng là mầm mống của tư tưởng "Dân là gốc".

2. Truyền thống "Lấy dân làm gốc" của dân tộc Việt

Mệnh đề "Dân là gốc nước" được du nhập vào Việt Nam cùng với sự truyền bá của tư tưởng Nho giáo. Nhưng tư tưởng "Dân là gốc" hoàn toàn không phải là đặc quyền của người Trung Quốc. Tư tưởng ấy có mầm mống trong ý thức cộng đồng của người Việt - tức là ý thức về sức mạnh của cộng đồng, của người lao động, của nhân dân nói chung.

Mỗi một người Việt Nam đều biết về truyền thuyết Âu Cơ - Lạc Long Quân, tự nhận mình là "con Lạc, cháu Rồng". Những từ "đồng bào", "bà con" đều xuất phát từ truyền thuyết ấy. Như vậy mọi người Việt Nam đều coi mình là có chung một nguồn gốc, chung dòng máu, chung một người mẹ sinh ra, nên biết yêu thương đùm bọc lẫn nhau để tạo nên một sức mạnh chung:

"Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"

[Ca dao]

Hay:

"Nhiều điều phù lấy giá gương,

Người trong một nước phải thương nhau cùng"

[Ca dao]

Truyền thuyết Âu Cơ - Lạc Long Quân đương nhiên chỉ là huyền thoại, nhưng lại được dân gian thừa nhận làm cội nguồn của mình vì nó có ý nghĩa thực tế như là một chất keo gắn kết cộng đồng người Việt với nhau trong công cuộc chống thiên tai, địch họa để tồn tại và phát triển. ý thức cộng đồng ấy là một trong những yếu tố tạo nên sức mạnh dân tộc để nhân dân ta vượt qua sóng gió của lịch sử; nó rất gần gũi với tư tưởng "Dân là gốc nước" của Trung Quốc.

Truyền thuyết Thánh Gióng là một ví dụ về ý thức cộng đồng, về vai trò và sức mạnh của dân trong dân gian. Thánh Gióng nhờ được nhân dân đùm bọc, nuôi dưỡng, nấu cơm cho ăn, đưa ngựa sắt cho cưỡi, rèn roi sắt cho dùng... nên đã đánh thắng giặc Ân.

Còn truyền thuyết Trọng Thủy - My Châu là một ví dụ phản diện nói lên rằng mất dân là mất tất cả. An Dương Vương, cậy mình có nỏ thần, có vũ khí tốt, quân đội tốt..., không biết dựa vào dân nên đã mất nước.

Trong dân gian Việt Nam có rất nhiều câu nói thể hiện rõ sự đánh giá sức mạnh của dân, tinh thần "trọng dân", coi dân là gốc. Từ xưa dân ta đã nói: "Quan nhất thời, Dân vạn đại". Câu này có nghĩa là làm quan chỉ có thời của nó, gặp thời vận thì mới được làm quan, nên

"hết quan thì hoàn dân", còn làm dân thì bền vững, không phải lo mất chức mất quyền, nên "Dân vạn đại". Câu này còn thể hiện là nước có thể thiếu quan mà không thể thiếu dân được vì dân là "vạn đại", có dân mới có nước. Câu nói trên có thể so sánh với tư tưởng của Mặc Tử "Quan không sang mãi, dân không hèn mãi", và tư tưởng của Mạnh Tử "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh" trong triết học Trung Quốc cổ đại.

Đạo lí "uống nước nhớ nguồn", "ăn quả nhớ kẻ trồng cây" cũng là sự thể hiện tinh thần coi "dân là gốc". Vì vấn đề ở đây không chỉ là đạo lí mà còn là sự ghi nhận, sự đánh giá công lao to lớn của dân, của người lao động - những người đã tạo ra của cải vật chất để nuôi sống xã hội.

Sức mạnh của dân được đánh giá một cách chính xác trong câu ca dao "...Bao giờ dân nổi can qua, con vua thất thế lại ra quét chùa". Dân mà đã "nổi can qua" thì không một chính quyền nào có thể đứng vững được. Đây là một sự khái quát kinh nghiệm lịch sử mà nhân dân ta đã đúc kết được trong cuộc sống của mình. Nó là bằng chứng khẳng định rằng trong dân gian ta đã có ý thức một cách sâu sắc sức mạnh của dân, một sức mạnh "đẩy thuyền và lật thuyền".

Nho giáo được truyền bá vào Việt Nam từ khoảng thế kỉ I đến thế kỉ II sau Công nguyên, khi mà ở Trung Quốc nó đã trở thành hệ tư tưởng chính thống, nhằm đề nô dịch dân ta. Các tác phẩm kinh điển của Nho giáo (Ngũ kinh) đồng thời cũng được đưa vào giảng dạy. Nho giáo (Hán nho) với tính chất khắc nghiệt, sơ cứng, đã trở thành thứ vũ khí nô dịch tinh thần đối với dân ta. Nhưng đằng sau tính chất khắc nghiệt, phản động của nó, thì cũng có thể thấy một số yếu tố tích cực của Nho giáo được dân ta chấp nhận. Trong số những tư tưởng tiến bộ của Nho giáo nổi lên tư tưởng "dân là gốc nước". Tư tưởng này gần gũi với truyền thống tư tưởng và đạo lí của người Việt Nam, nên khi được truyền bá vào Việt Nam, kết hợp với tư tưởng và tình

cảm của người bản địa, thì nó mang một ý nghĩa đặc biệt, nó kết hợp với tư tưởng yêu nước truyền thống của người Việt tạo nên một sức mạnh tổng hợp giúp các triều đại phong kiến Việt Nam đấu tranh sát cánh cùng với nhân dân để giữ nước, chống xâm lược, chống thiên tai để tồn tại và phát triển. Hầu hết những nhà chiến lược đại tài, các nhà tư tưởng lớn của dân tộc đều quán triệt một cách sâu sắc tư tưởng "Dân là gốc" và từ đó "lấy dân làm gốc" trong mọi công việc to lớn của đất nước. Toàn bộ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã chứng minh rằng một triều đại phong kiến đang lên, đang hưng thịnh đều coi "Dân là gốc", nên đã được lòng dân, lôi kéo được quần chúng nhân dân đi theo mình và nhờ đó mà chiến thắng kẻ thù, giữ được nước. Còn khi triều đại lụi tàn, sụp đổ chính là lúc mà chính quyền xa dân, ức hiếp dân, không coi "Dân là gốc".

3. Tư tưởng "Dân là gốc" dưới thời Lí - Trần

Năm 938 chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền đã đánh dấu một trang sử mới - Thời kì độc lập, củng cố và phát triển đất nước. Trải qua các triều đại Ngô - Đinh - Tiền Lê trong gần một thế kỉ nước ta dần dần đi vào ổn định tình hình, củng cố an ninh quốc phòng, thực hiện thống nhất dân tộc để chống ngoại xâm. Chuyển sang thời Lí - Trần (từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV) nước ta đi vào ổn định và với những bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế, chính trị xã hội và văn hoá tư tưởng.

Văn hoá tư tưởng dưới thời Lí - Trần đạt được những bước phát triển nhảy vọt. Đây là thời kì tam giáo đồng nguyên với sự tồn tại, ảnh hưởng của ba trào lưu tư tưởng được du nhập từ ngoài vào là Nho, Phật, Lão. Đương nhiên khi du nhập vào Việt Nam thì cả ba trào lưu trên đều phải chịu sức ép của truyền thống văn hoá, tư tưởng, tín ngưỡng bản địa nên mang màu sắc đặc biệt - đã được Việt hoá. Trong ba trào lưu trên thì Nho giáo ảnh hưởng nhiều nhất đến tư tưởng Việt Nam thời kì này bởi vì bản thân Nho giáo không phải là một tôn giáo, mà là một hệ tư tưởng chính trị

- xã hội nên được sử dụng rộng rãi trong hệ thống giáo dục cũng như việc trị nước. Năm 1070 nhà Lí lập Văn Miếu, năm 1075 mở khoa thi đầu tiên, năm 1076 lập Quốc Tử Giám, sau đó qua một số năm lại mở một kì thi. Nhà Trần mở các khoa thi đều đặn hơn, bổ nhiệm các chức học quan để trông coi việc học hành ở các Phủ, Lộ...

Sự ảnh hưởng của Nho giáo lên hệ thống giáo dục và chính trị thời Lí - Trần dẫn đến nhiều tư tưởng của nó được coi trọng, trong đó có tư tưởng dân bản sâu sắc "Dân là gốc nước". Nhiều nhà chính trị lỗi lạc, nhiều nhà tư tưởng lớn của dân tộc thời kì này đã mang một tinh thần dân bản sâu sắc như Lí Công Uẩn, Lí Thường Kiệt Trần Quốc Tuấn...

Trong "Chiếu dời đô" của Lí Công Uẩn năm 1010 đã thể hiện ý tưởng "coi dân là gốc" trong mọi chủ trương của nhà cầm quyền. Cái gì hợp với lòng dân, có lợi cho dân thì làm. Cái gì trái với lòng dân, không có lợi cho dân thì tránh không nên làm. Cho nên việc dời đô không phải là tùy tiện theo ý muốn chủ quan của mình, mà "chỉ vì muốn đóng đô ở nơi trung tâm mưu toan việc lớn, tính kế muôn đời cho con cháu, trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu thấy thuận tiện thì thay đổi"[4, tr. 229-230].

Nhà Đinh, nhà Lê do thiên cởng gò ép đóng đô ở nơi không thuận tiện làm hao tổn sức dân, muôn vật không được thích nghi nên không thể tồn tại lâu dài. Lí Công Uẩn quyết định dời đô về Thăng Long là để cho "dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ, ngập lụt, muôn vật rất mực phong phú tốt tươi" [5, 230]. Cái tinh thần coi "dân là gốc" của Lí Công Uẩn rất được triều thần tán thưởng. Họ trả lời ông "Bệ hạ vì thiên hạ mà lập kế lâu dài để trên cho có nghiệp to lớn được thịnh vượng, dưới cho nhân dân giàu của, nhiều người, việc lợi như thể ai dám không theo" [2, tr. 191].

Lí Thường Kiệt trong lời nói cũng như việc làm luôn thể hiện rõ coi dân là gốc. Trong bài "Văn lệ bổ" khi đánh Tống, Ông viết: "Trời sinh ra dân chúng vua hiền tất hoà mục, đạo

làm chủ cốt ở nuôi dân". Tinh thần "nuôi dân" của ông được thể hiện bằng việc làm cụ thể như đã được ghi trong bài Minh bia chùa Linh Xương núi Ngưỡng Sơn mà người đời sau hết lời ca ngợi. Ở đó người ta ca ngợi Lí Thường Kiệt là người làm việc siêng năng, sai bảo dân ôn hậu, khoan hoà giúp đỡ trăm họ, nhân từ yêu mến mọi người, chăm lo cho muôn dân được ấm no, lo đến tận người già nơi thôn dã nên được mọi người yêu mến quý trọng.

Các vua chúa thời Trần nhiều người cũng đánh giá rất cao vai trò sức mạnh của dân, chăm lo cho dân. Vua Trần Nhân Tông cảm thông với nỗi khổ của dân đã phải thốt lên "Hết thầy sinh dân đều là đồng bào của ta. Nỡ lòng nào để cho bốn bề khốn cùng" [5, tr. 172].

Đỉnh cao của tư tưởng "Dân là gốc nước" và "coi dân là gốc của nước" Thời Lý -Trần là tư tưởng của Trần Quốc Tuấn. Ông sinh vào thời Thái Tôn và mất vào năm 1300. Là một nhà chiến lược đại tài, một nhà tư tưởng lỗi lạc, Trần Quốc Tuấn đã lãnh đạo ba cuộc chiến tranh chống quân Nguyên - Mông thắng lợi. Một trong những tư tưởng chỉ đạo của ông là dựa vào dân, coi dân là gốc của nước. Ông nói "...Khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách để giữ nước" [3, tr. 88-89]. Khoan thư sức dân là không lạm dụng sức dân vào những việc không cần thiết, là "Sử dân dĩ thời", là phải chăm lo cho đời sống của muôn dân, qua đó để tranh thủ được sự đồng lòng của dân. Khoan thư sức dân là để giữ nước, vì có tranh thủ được sức dân, lòng dân thì mới giữ được nước. Chiến thắng trong ba cuộc chiến tranh giữ nước do Trần Quốc Tuấn lãnh đạo đã chứng minh cho chủ trương "khoan thư sức dân" của ông là hoàn toàn đúng đắn. Ông đã đi đến một quan niệm rất tiến bộ - Chiến tranh nhân dân: "Vua tôi đồng lòng, anh em hoà mục, cả nước góp sức, giặc tất bị bắt" [3, tr. 88]. Như vậy sức mạnh của dân tộc chủ yếu là "Trên dưới đồng lòng", "Lòng dân không chia", chứ không phải chỉ có tướng tài, binh mạnh là đủ, vì nếu không có sự góp sức của toàn dân, nếu như

không làm cho mỗi người dân đều trở thành một chiến sĩ thì không thể thắng giặc. "Hịch tướng sĩ" của ông cũng chính là lời kêu gọi "Trên dưới đồng lòng", để thực hiện "Lòng dân không chia" ấy.

4. Kết luận

Dân tộc Việt Nam có một truyền thống tốt đẹp, được hình thành và cố kết thành một tư tưởng xuyên suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm, đó là tư tưởng yêu nước. Cốt lõi của tư tưởng yêu nước Việt Nam là truyền thống cố kết cộng đồng, tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết chống thiên tai, địch họa, cùng nhau dựng và giữ nước. Do đó, ý thức về vai trò, sức mạnh của dân, tinh thần trọng dân vốn là một di sản quan trọng trong văn hóa của người Việt.

Nho giáo được nhà Tây Hán đưa vào Việt Nam từ khoảng thế kỷ I trước Công nguyên. Nhưng phải đến khi hình thành quốc gia quân chủ tập quyền tại Việt Nam (thế kỷ X) thì Nho giáo mới thực sự được đưa vào nền giáo dục của các triều đại phong kiến Việt Nam.

Sự kết hợp giữa tư tưởng "Dân là gốc nước" của Nho giáo với tư tưởng "Cố kết cộng đồng" của dân tộc Việt đã làm nên tư tưởng "Dân là gốc" đặc sắc của Nho giáo Việt Nam.

Cho đến thời Lý-Trần các nhà chính trị và tư tưởng Việt Nam đã ý thức được rằng phải có sự ủng hộ của dân thì mới đứng vững được, mới giữ được nước. Tuy nhiên, cái ý thức trọng dân ấy xét cho cùng cũng chỉ phản ánh một nhu cầu thực tế lịch sử của giai cấp thống trị là cần đến dân để giữ gìn, bảo vệ lợi ích của mình chứ chưa thực sự vì dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 1992.
- [2]. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972.
- [3]. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972.
- [4]. *Thơ Văn Lý - Trần*, Tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977.
- [5]. Nguyễn Tài Thư (chủ biên), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Tập 1, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.

